TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 4 – 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đường Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Huỳnh Sinh - Ông Trần Văn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 783/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc L, sinh năm 1993 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố X, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Y, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/10/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Ngọc L trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Vợ chồng có tổ chức cưới hỏi. Vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà ngoại chồng ở khu phố Y, phường M, thành phố P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do

chồng bà không tu chí làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, la mắng, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chồng vẫn không thay đổi. Tháng Chạp năm 2021 bà đã dẫn con gái về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại khu phố X, phường Đ, thành phố P cho đến nay. Từ khi không còn sống chung, vợ chồng đã không liên lạc với nhau, chồng bà cũng không hỏi thăm xem con sống như thế nào, hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên Tr – sinh ngày 21/12/2015. Hiện con đang sống cùng bà, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà đang làm nhân viên cho Công ty mỹ phẩm nước hoa, lương tháng trung bình 3.500.000 đồng cộng thêm các khoản chi phí khác thì thu nhập hàng tháng khoảng từ 4.500.000 đồng – 5.000.000 đồng đủ khả năng chăm sóc cho con. Do đó, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án Thông báo các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng quy định pháp luật để ông T thực hiện quyền nghĩa vụ của mình, nhưng ông T từ chối tham gia tố tụng, nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc L và bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại khu phố X, phường M, thành phố P nên thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy báo lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do; Điều này chứng tỏ ông T đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, sống chung và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường M cấp giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 11/8/2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Do có mâu thuẫn về việc ông T không tu chí làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, la mắng, đánh đập vợ con, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả, xích mích. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ tháng Chạp năm 2021 đến nay, bà L cùng với con đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại khu phố X, phường Đ, thành phố P. Từ khi không còn sống chung, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, không gặp gỡ và không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Tình trạng mâu thuẫn của bà L và ông T phù hợp với Biên bản xác minh ngày 10/11/2022 của TAND thành phố Phan Rang – Tháp Chàm thể hiện: Vợ chồng ông T bà L có xảy ra mâu thuẫn nhưng không báo khu phố để hòa giải, hiện ông T và bà L không còn sống chung với nhau, bà L đã bỏ về nhà mẹ đẻ, không rõ thời gian bỏ đi.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án niêm yết và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L; điều này chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên Tr – sinh ngày 21/12/2015. Ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ trước đến nay con chung đều sống cùng bà L và có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Hiện bà L có nghề nghiệp, có thu nhập và chỗ ở ổn định nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Ngọc Thiên Tr cho bà Võ Thị

Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc L.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Võ Thị Ngọc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên Tr – sinh ngày 21/12/2015. Ông Nguyễn Văn T không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con do bà Võ Thị Ngọc L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Võ Thị Ngọc L phải chịu 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Võ Thị Ngọc L đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004638 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Bà Võ Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường M
(*Giấy CNKH số 89, quyển số 01/2014, ngày 11/8/2014*);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Nguyễn Thanh Thảo